

Số: **451/2021/QĐST-HNGĐ**

Thành phố H, ngày 26 tháng 10 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 440/2021/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Ngô H**, sinh năm 1975

Địa chỉ: 148 Bờ Sông Hương, phường Gia Hội, thành phố H, tỉnh TT H.

Bị đơn: Bà **Hồ Thị T**, sinh năm 1976

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 148 Bờ Sông Hương, phường Gia Hội, thành phố H, tỉnh TT H.

Địa chỉ liên lạc: 53A Nguyễn Văn Thoại, phường Phú Hậu, thành phố H, tỉnh TT H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc Tận tình ly hôn và thỏa Tận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự Tận tình ly hôn giữa ông Ngô H và bà Hồ Thị T.

2.Công nhận sự thỏa Tận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Ông Ngô H và bà Hồ Thị T công nhận vợ chồng có 03 con chung là Ngô Viết Vĩnh Kha, sinh ngày 09/11/1996; Ngô Viết Vĩnh Phú, sinh ngày 13/7/1999 và Ngô Viết Vĩnh Phát, sinh ngày 24/04/2005. Nay ly hôn, các con chung gồm Ngô Viết Vĩnh Kha, Ngô Viết Vĩnh Phát đã thành niên nên ông H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với con chung Vĩnh Phát, hiện cháu Phát đang ở với ông H, nay theo nguyện vọng của cháu và theo thỏa Tận hai bên là giao cháu Ngô Viết Vĩnh Phát, sinh ngày 24/04/2005 cho ông Ngô H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Vĩnh Phát đủ 18 tuổi. Ông H không yêu cầu bà T cấp

dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Ông H và bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H và bà T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Ngô H và bà Hồ Thị T mỗi bên phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông H tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình của hai người là 150.000 đồng. Ông H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai T số 0000540 ngày 05/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H nên nay được khấu trừ, ông H được hoàn lại 150.000 đồng từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H;
- Ủy ban nhân dân phường Gia Hội (trước đây là Phú Cát)(số đăng ký kết hôn số 43, ngày 21/5/1996);
- Tổ Hành chính – Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

LÊ THỊ TÚ LOAN